

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH HƯNG

Số: 169 /BC-MNBH

Về báo cáo thu chi quý 2
năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày 12 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Phòng Tài chính Kế hoạch

Căn cứ thông tư 107/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Căn cứ 1209/TCKH ngày 28 tháng 4 năm 2023 của phòng Tài chính Kế hoạch về tự chấm điểm thi đua lĩnh vực tài chính, kế toán NH 2022-2023 và gửi báo cáo định kỳ.

Trường MN Bình Hưng báo cáo tài chính quý 2/2024 như sau:

- Biểu 01. BC các khoản thu, chi học phí, thu khác;
- Biểu 02. BC tổng hợp thu (tháng 4, tháng 5, tháng 6);
- Biểu 3. BC thống kê thanh toán phí theo nội dung;
- Biểu 04. BC chi tiết thu phí;

(Đính kèm: Bảng cân đối số phát sinh quý 2/2024; Sổ phụ T4, T5, T6/2024; Đối chiếu tiền gửi kho bạc T4, T5, T6/2024; bảng đối chiếu kinh phí ngân sách Q2/2024)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, 2b.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phan Ngọc Hân

BÁO CÁO CÁC KHOẢN THU CHI HỌC PHÍ, THU KHÁC QUÝ 2 NĂM 2024
(Đính kèm Công văn số 169 /MNBH ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Trường Mầm non Bình Hưng)

Stt	Nội dung	Thực hiện quý										Lấy kế năm				
		THU		CHI	TỔN				THU		CHI					
		Tổng thu	Quý trước chuyển sang		Tổng tồn	Trong đó		Tổng thu	Trong đó							
						Tồn tại KB	Tồn tại ngân hàng			Tồn tiền mặt thu chưa nộp		Tiền đang chuyển				
													4a	4b	4c	4d
	2=2a+2b	2a	2b	3	4= 2-3 =4a+4b+4c+4d	4a	4b	4c	4d	5= 5a+5b	5a	5b	6			
		697.197.582	246.882.182	450.315.400	558.003.961	139.193.621	58.380.368	80.813.253	-	-	1.086.343.842	109.937.570	976.406.272	947.150.221		
A	PHI TUYẾN DỤNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
B	HĐSXKD	346.149.537	108.239.537	237.910.000	268.388.806	77.760.731	28.311.900	49.448.831	-	-	494.408.000	-	494.408.000	416.647.269		
I	Thu học phí	48.071.000	24.151.000	23.920.000	19.759.100	28.311.900	28.311.900	-	-	-	55.760.000	-	55.760.000	27.448.100		
II	Thu theo thỏa thuận	298.078.537	84.088.537	213.990.000	248.629.706	49.448.831	-	49.448.831	-	-	438.648.000	-	438.648.000	389.199.169		
1	Tiền tổ chức dạy ngoại ngữ	30.600.000	16.680.000	13.920.000	30.106.400	493.600	-	493.600	-	-	30.600.000	-	30.600.000	30.106.400		
2	Tiền tổ chức dạy nhp điều	21.762.000	11.844.000	9.918.000	21.616.400	145.600	-	145.600	-	-	21.762.000	-	21.762.000	21.616.400		
3	Tiền tổ chức dạy vẽ	21.762.000	11.844.000	9.918.000	5.774.877	15.987.123	-	15.987.123	-	-	21.762.000	-	21.762.000	5.774.877		
4	Tiền tổ chức dạy bơi	22.829.000	9.069.000	13.760.000	20.713.066	2.115.934	-	2.115.934	-	-	29.840.000	-	29.840.000	27.724.066		
5	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	107.049.818	14.833.818	92.216.000	99.222.943	7.826.875	-	7.826.875	-	-	192.579.000	-	192.579.000	184.752.125		
6	Tiền công trả cho NVND NQ04	32.513.260	4.853.260	27.660.000	31.153.355	1.359.905	-	1.359.905	-	-	64.030.000	-	64.030.000	62.670.095		
7	Thiết bị, vật dụng bán trú	5.290.000	2.990.000	2.300.000	4.958.800	331.200	-	331.200	-	-	5.290.000	-	5.290.000	4.958.800		
8	Tiền phục vụ ăn sáng	37.792.459	11.974.459	25.818.000	35.083.865	2.708.594	-	2.708.594	-	-	54.305.000	-	54.305.000	51.596.406		
9	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	18.480.000	-	18.480.000	-	18.480.000	-	18.480.000	-	-	18.480.000	-	18.480.000	-		
C	HĐTC	132.300	24.300	108.000	76.450	55.850	-	55.850	-	-	198.300	-	198.300	142.450		
I	Lãi không kỳ hạn	132.300	24.300	108.000	76.450	55.850	-	55.850	-	-	198.300	-	198.300	142.450		
D	Thu hộ - chi hộ	305.895.736	113.598.336	192.297.400	275.968.705	29.927.031	-	29.927.031	-	-	497.697.521	88.213.221	409.484.300	467.770.490		
1	Tiền ăn bán trú	208.685.099	74.029.099	134.656.000	188.643.751	20.041.348	-	20.041.348	-	-	348.234.763	62.062.763	286.172.000	328.193.415		
2	Tiền ăn sáng	82.095.910	30.571.910	51.524.000	74.442.354	7.653.556	-	7.653.556	-	-	134.282.031	24.150.031	110.132.000	126.628.475		
3	Nước uống	8.583.000	4.337.000	4.246.000	7.484.600	1.098.400	-	1.098.400	-	-	8.583.000	42.000	8.541.000	7.484.600		
4	Học phẩm	1.300.000	800.000	500.000	1.210.000	90.000	-	90.000	-	-	1.300.000	150.000	1.150.000	1.210.000		
5	Học cụ - học liệu	4.310.927	2.974.927	1.336.000	4.122.000	188.927	-	188.927	-	-	4.310.927	866.927	3.444.000	4.122.000		
6	Bảo hiểm y tế chăm sóc ban đầu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
7	Tiền khám sức khỏe học sinh	25.000	-	25.000	-	25.000	-	25.000	-	-	25.000	-	25.000	-		
8	Bảo hiểm tai nạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
9	TK lương	895.800	885.400	10.400	66.000	829.800	-	829.800	-	-	961.800	941.500	20.300	132.000		
E	CÁC QUÝ	29.310.300	9.310.300	20.000.000	13.570.000	15.740.300	15.730.000	10.300	-	-	72.325.972	10.300	72.315.672	56.585.672		
1	QUÝ KT	1.000.000	1.000.000	-	-	1.000.000	1.000.000	-	-	-	1.000.000	-	1.000.000	-		
	Quý khen thưởng (Ngân sách)	1.000.000	1.000.000	-	-	1.000.000	1.000.000	-	-	-	1.000.000	-	1.000.000	-		
	Quý khen thưởng (Sư nghiệp)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	QUÝ PL	23.000.000	3.000.000	20.000.000	13.570.000	9.430.000	9.430.000	-	-	-	34.000.000	-	34.000.000	24.570.000		
	Quý phúc lợi (Ngân sách)	23.000.000	3.000.000	20.000.000	13.570.000	9.430.000	9.430.000	-	-	-	34.000.000	-	34.000.000	24.570.000		
	Quý phúc lợi (Sư nghiệp)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
3	QUÝ TTN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	32.015.672	-	32.015.672	32.015.672		
	Quý tăng thu nhập (Ngân sách)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	32.015.672	-	32.015.672	32.015.672		
	Quý tăng thu nhập (Sư nghiệp)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
4	QUÝ PTHĐSN	5.310.300	5.310.300	-	-	5.310.300	5.300.000	10.300	-	-	5.310.300	10.300	5.300.000	-		
	Quý PTSN (Ngân sách)	5.300.000	5.300.000	-	-	5.300.000	5.300.000	-	-	-	5.300.000	-	5.300.000	-		
	Quý PTSN (Sư nghiệp)	10.300	10.300	-	-	10.300	10.300	-	-	-	10.300	-	10.300	-		
F	NGUỒN CCL	15.709.709	15.709.709	-	-	15.709.709	14.338.468	1.371.241	-	-	15.709.709	15.709.709	-	-		
1	CCTL Thu học phí	14.338.468	14.338.468	-	-	14.338.468	14.338.468	-	-	-	14.338.468	14.338.468	-	-		
2	CCTL Thu thỏa thuận	1.371.241	1.371.241	-	-	1.371.241	1.371.241	-	-	-	1.371.241	1.371.241	-	-		
G	CÁC TÀI KHOẢN KHÁC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.004.340	-	-	6.004.340		
I	Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.004.340	-	-	6.004.340		

Kế toán
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Quyên





10-10-1961

BÁO CÁO TỔNG HỢP TIỀN HỌC PHÍ

Tháng: 04/2024
Nguồn: Tất cả
Khối: Tất cả

STT	Khối/Lớp	Số HS	Số HS đã đóng đủ	Số HS còn nợ	Tiền theo kế hoạch	Tổng tiền miễn giảm theo kế hoạch	Đã thanh toán					Tiền còn lại chưa thu	Ghi chú
							Tiền mặt	SSC Offline	SSC Online	Thu hộ	Payoo		
	Khối Chồi	27	1	23	4	45.006.000	335.000	0	0	37.686.000	0	6.985.000	
1	Chồi 1	27	1	23	4	45.006.000	335.000			37.686.000		6.985.000	
	Khối Lá	22	1	19	3	34.266.000	335.000	0	0	30.383.000	0	3.548.000	
1	Lá 1	20	1	17	3	34.266.000	335.000			30.383.000		3.548.000	
2	Lớp nơ	2		2	0								
	Khối Mầm	42	2	41	1	74.086.000	180.000	0	0	72.276.000	0	1.630.000	
1	Mầm 1	42	2	41	1	74.086.000	180.000			72.276.000		1.630.000	
	Khối Mẫu giáo	28	1	24	4	43.076.000	335.000	0	0	38.009.000	0	4.732.000	
1	Nhà trẻ 25-36 th	28	1	24	4	43.076.000	335.000			38.009.000		4.732.000	
	Tổng cộng	119	5	107	12	196.434.000	1.185.000	0	0	178.354.000	0	16.895.000	

Theo kế hoạch 196,434,000 VND
Miễn giảm 1,185,000 VND
Đã thu 178,354,000 VND
Còn lại 16,895,000 VND



Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Hân

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Quyên

Ngày 02 tháng 05 năm 2024
Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Quyên

07:15:34 Ngày 02/05/2024
Nguyễn Thị Hồng Quyên

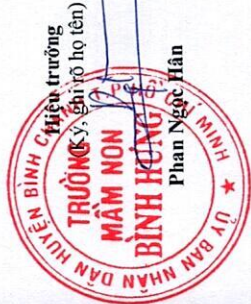


BÁO CÁO TỔNG HỢP TIỀN HỌC PHÍ

Tháng: 05/2024
Nguồn: Tất cả
Khối: Tất cả

STT	Khối/Lớp	Số HS	Số HS Miễn/Giảm	Số HS đã đóng đủ	Số HS còn nợ	Tiền theo kế hoạch	Tổng tiền miễn giảm theo kế hoạch	Đã thanh toán				Tiền còn lại chưa thu	Ghi chú
								Tiền mặt	SSC Offline	SSC Online	Thu hộ	Payoo	Tổng cộng
	Khối Chồi	27	1	27	0	44.272.000	313.000	0	0	0	43.959.000	0	43.959.000
1	Chồi 1	27	1	27	0	44.272.000	313.000				43.959.000		43.959.000
	Khối Lá	22	1	22	0	32.408.000	313.000	0	0	0	32.095.000	0	32.095.000
1	Lá 1	20	1	20	0	32.408.000	313.000				32.095.000		32.095.000
2	Lớp nơ	2		2	0								
	Khối Mầm	42	2	42	0	70.088.000	180.000	0	0	0	69.908.000	0	69.908.000
1	Mầm 1	42	2	42	0	70.088.000	180.000				69.908.000		69.908.000
	Khối Mẫu giáo	29	1	29	0	42.010.000	313.000	0	0	0	41.697.000	0	41.697.000
1	Nhà trẻ 25-36 th	29	1	29	0	42.010.000	313.000				41.697.000		41.697.000
	Tổng cộng	120	5	120	0	188.778.000	1.119.000	0	0	0	187.659.000	0	187.659.000

Theo kế hoạch 188,778,000 VND
Miễn giảm 1,119,000 VND
Đã thu 187,659,000 VND
Còn lại 0 VND



Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Thị Hồng Quyên

Ngày 07 tháng 06 năm 2024
Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Thị Hồng Quyên
11:03:19 Ngày 07/06/2024



BÁO CÁO TỔNG HỢP TIỀN HỌC PHÍ

Tháng: 06/2024

Nguồn phí: Tất cả

Khối: Tất cả

STT	Khối/Lớp	Số HS	Số HS Miễn/ Giảm	Số HS đã đóng đủ	Số HS còn nợ	Tiền theo kế hoạch	Tổng tiền miễn giảm theo kế hoạch	Đã thanh toán			Tiền còn lại chưa thu	Ghi chú
								Tiền mặt	Thu hộ	Tổng cộng		
	Khối Chồi			6	21	8.670.000	15.036.000	0	5.268.000	5.268.000	3.402.000	
1	Chồi 1	27	18	6	21	8.670.000	15.036.000	0	5.268.000	5.268.000	3.402.000	
	Khối Lá			5	15	4.390.000	13.170.000	0	4.390.000	4.390.000	0	
1	Lá 1	20	15	5	15	4.390.000	13.170.000	0	4.390.000	4.390.000	0	
	Khối Mầm			18	25	21.511.000	15.804.000	0	15.804.000	15.804.000	5.707.000	
1	Mầm 1	43	18	18	25	21.511.000	15.804.000	0	15.804.000	15.804.000	5.707.000	
	Khối Mẫu Giáo			13	19	17.559.000	8.380.000	0	10.894.000	10.894.000	6.665.000	
1	Nhà trẻ 25-36 th	32	10	13	19	17.559.000	8.380.000	0	10.894.000	10.894.000	6.665.000	
	Tổng cộng	124	61	42	80	52.130.000	52.390.000	0	36.356.000	36.356.000	15.774.000	

Theo kế hoạch 52.130.000 VND
Miễn giảm 52.390.000 VND
Đã thu 36.356.000 VND
Còn lại 15.774.000 VND



Hiệu trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Hân

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Hồng Quyên

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thủ quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

20:48:30 Ngày 30/06/2024

Nguyễn Thị Hồng Quyên



BÁO CÁO THỐNG KÊ THANH TOÁN PHÍ THEO NỘI DUNG QUÝ 2 NĂM 2024
(Đính kèm Công văn số **469** /MNBH ngày **12** tháng 7 năm 2024 của Trường Mầm non Bình Hưng)

ĐVT: đồng

STT	Mã Phí	Tên Phí	Số tiền đã thu	Tiền mặt	Thu hộ	Trong đó										Trong đó				VIETTEL	VIETTIN	VPB	ZALOPAY
						AGRIB	HDB	MOMO	PAYOO	QR	SSC-FV	STB	AGRIB	HDB	MOMO	PAYOO	QR	SSC-FV	STB				
1	2	3	4 = 5+6	5	6 = 7+8+ ... + 18	7	8	9	10	11	12	12	13	14	15	16							
		Học cụ - Học liệu	1.336.000		1.336.000	1.336.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
		Học phẩm	500.000		500.000	500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
		Học phí	23.920.000		23.920.000	4.880.000	400.000	2.640.000	8.240.000	0	100.000	680.000	200.000	1.420.000	400.000	4.960.000							
		Tiền công trả lương cho NVND	27.660.000		27.660.000	5.520.000	480.000	3.000.000	9.540.000	0	120.000	720.000	240.000	1.560.000	480.000	6.000.000							
		Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	25.000		25.000	25.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
		Tiền mua sắm TB, vật dụng học tập	2.300.000		2.300.000	2.300.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
		Tiền nước uống	4.246.000		4.246.000	782.000	68.000	425.000	1.343.000	336.000	17.000	102.000	34.000	221.000	68.000	850.000							
		Tiền phục vụ ăn sáng	25.818.000		25.818.000	5.175.000	460.000	2.875.000	9.028.000	0	115.000	690.000	230.000	1.495.000	460.000	5.290.000							
		Tiền suất ăn sáng	51.524.000		51.524.000	9.416.000	836.000	5.214.000	16.357.000	4.620.000	231.000	1.254.000	418.000	2.728.000	836.000	9.614.000							
		Tiền suất ăn trưa	134.656.000		134.656.000	23.768.000	2.112.000	11.656.000	42.808.000	12.920.000	576.000	2.708.000	1.184.000	6.912.000	2.080.000	27.932.000							
		Tiền tổ chức dạy bơi	13.760.000		13.760.000	2.080.000	320.000	1.440.000	5.280.000	0	80.000	160.000	160.000	560.000	320.000	3.360.000							
		Tiền tổ chức dạy ngoại ngữ	13.920.000		13.920.000	2.080.000	320.000	1.440.000	5.440.000	0	80.000	160.000	160.000	560.000	320.000	3.360.000							
		Tiền tổ chức dạy nhíp	9.918.000		9.918.000	1.482.000	228.000	1.026.000	3.876.000	0	57.000	114.000	114.000	399.000	228.000	2.394.000							
		Tiền tổ chức dạy vẽ	9.918.000		9.918.000	1.482.000	228.000	1.026.000	3.876.000	0	57.000	114.000	114.000	399.000	228.000	2.394.000							
		Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và an ninh bữa trưa	92.216.000		92.216.000	19.568.000	1.472.000	10.124.000	30.708.000	0	368.000	2.736.000	736.000	5.576.000	1.472.000	19.456.000							
		Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	18.480.000		18.480.000	0	0	0	0	18.480.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
		Tổng cộng	430.197.000	0	430.197.000	80.394.000	6.924.000	40.866.000	136.496.000	36.356.000	1.801.000	9.438.000	3.590.000	21.830.000	6.892.000	85.610.000							

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn trăm ba mươi triệu một trăm chín mươi bảy nghìn đồng .

Kế toán

Nơi nhận:
- PTCKH;
- UBNDH;
- Lưu: VT, lb.

Nguyễn Thị Hồng Quyền





STT	Số SSCID	Ngày	Số phiếu thu	Số biên lai	Tổng Số Giao Dịch	Lớp	Học cụ - Học liệu	Học phẩm	Học phí	Tiền công trả lương cho NVND	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	Tiền mua sắm TB, vật dụng bán trả	Tiền nước uống	Tiền phục vụ ăn sáng	Tiền suất ăn trưa	Tiền tổ chức dạy ngoại ngữ	Tiền tổ chức dạy vẽ	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trả	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non bán trả	Số tiền
	Nhà trẻ																			
1202074923000014	01/04/2024	01/04/2024	010424-0001	C23TAA-302	Phòng Minh Ánh	Nhà trẻ 25-36 th	122.000	50.000	120.000	240.000	25.000	230.000	34.000	230.000	484.000	1.232.000		1.000.000	500.000	3.762.000
1202074923000005	01/04/2024	01/04/2024	010424-0002	C23TAA-303	Nguyễn Trúc Linh	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	532.000		500.000		1.635.000	
12020749230000128	01/04/2024	01/04/2024	010424-0006	C23TAA-307	Nguyễn Thảo Nguyễn	Nhà trẻ 25-36 th	122.000	50.000	120.000	120.000		230.000	17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	2.054.000	
12020749230000121	02/04/2024	02/04/2024	020424-0004	C23TAA-311	Võ Thu Kỳ	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	364.000		500.000	500.000	1.456.000	
1202074923000009	02/04/2024	02/04/2024	020424-0005	C23TAA-312	Nguyễn Phan Ngọc Lam	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.652.000	
12020749230000132	02/04/2024	02/04/2024	020424-0007	C23TAA-314	Cao Minh Châu	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.568.000	
12020749230000136	03/04/2024	03/04/2024	030424-0003	C23TAA-319	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	392.000		500.000	500.000	1.484.000	
1202074923000011	04/04/2024	04/04/2024	040424-0001	C23TAA-338	Nguyễn Lê Đồng Quân	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	420.000		500.000	500.000	1.512.000	
12020749230000117	04/04/2024	04/04/2024	040424-0003	C23TAA-340	Lê Tiến Minh	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	-	560.000		500.000	500.000	1.317.000	
12020749230000113	04/04/2024	04/04/2024	040424-0007	C23TAA-344	Nguyễn Kim Ánh Minh	Nhà trẻ 25-36 th	120.000	50.000	120.000	120.000		230.000	17.000	115.000	560.000		500.000	500.000	2.054.000	
12020749230000130	05/04/2024	05/04/2024	050424-0001	C23TAA-346	Đoàn Ngọc Ánh Thư	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	532.000		500.000	500.000	1.624.000	
12020749230000105	06/04/2024	06/04/2024	060424-0002	C23TAA-364	Bùi Phúc Minh	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.652.000	
1202074923000013	06/04/2024	06/04/2024	060424-0005	C23TAA-367	Phạm Minh Phúc	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.652.000	
1202074923000008	09/04/2024	09/04/2024	090424-0001	C23TAA-370	Sầm桂 桂 桂	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000		230.000	17.000	115.000	476.000		500.000	500.000	1.859.000	
12020749230000131	09/04/2024	09/04/2024	090424-0002	C23TAA-372	Đoàn Cao Ngọc Năm	Nhà trẻ 25-36 th	122.000	50.000	120.000	120.000		230.000	17.000	115.000	220.000		532.000	500.000	1.624.000	
1202074923000012	10/04/2024	10/04/2024	100424-0003	C23TAA-377	Trương Linh Đan	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.512.000	
1202074923000002	10/04/2024	10/04/2024	100424-0001	C23TAA-377	Võ Minh Hà	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.512.000	
12020749230000019	10/04/2024	10/04/2024	100424-0005	C23TAA-381	Đặng Phạm Quỳnh Nhi	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.622.000	
1202074923000003	14/04/2024	14/04/2024	140424-0001	C23TAA-393	Nguyễn Anh Thư	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.622.000	
12020749230000132	16/04/2024	16/04/2024	160424-0001	C23TAA-400	Phạm桂 桂 桂	Nhà trẻ 25-36 th	122.000	50.000	120.000	120.000		230.000	17.000	115.000	220.000		420.000	500.000	1.914.000	
1202074923000007	16/04/2024	16/04/2024	160424-0004	C23TAA-404	Nguyễn桂 桂 桂	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		420.000	500.000	1.781.000	
1202074923000012	16/04/2024	16/04/2024	160424-0006	C23TAA-405	Nguyễn Trương Nhã Đan	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		420.000	500.000	1.512.000	
12020749230000103	16/04/2024	16/04/2024	160424-0006	C23TAA-405	Võ Trọng Phú	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.652.000	
1202074923000005	02/05/2024	02/05/2024	020524-0004	C23TAA-411	Nguyễn Trúc Linh	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.652.000	
12020749230000136	02/05/2024	02/05/2024	020524-0006	C23TAA-413	Nguyễn Trúc Linh	Nhà trẻ 25-36 th	122.000	50.000	120.000	120.000		230.000	17.000	115.000	392.000		500.000	500.000	1.844.000	
1202074923000011	02/05/2024	02/05/2024	020524-0007	C23TAA-414	Nguyễn Lê Đăng Quân	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.624.000	
12020749230000121	02/05/2024	02/05/2024	020524-0012	C23TAA-419	Võ Thu Kỳ	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000122	03/05/2024	03/05/2024	030524-0005	C23TAA-426	Cao Minh Châu	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.518.000	
12020749230000131	03/05/2024	03/05/2024	030524-0012	C23TAA-433	Đoàn Cao Ngọc Năm	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.546.000	
12020749230000117	05/05/2024	05/05/2024	050524-0001	C23TAA-445	Bùi Phúc Minh	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000128	08/05/2024	08/05/2024	080524-0001	C23TAA-463	Nguyễn Thảo Nguyễn	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000132	08/05/2024	08/05/2024	080524-0004	C23TAA-468	Đặng Phạm Quỳnh Nhi	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.518.000	
12020749230000130	08/05/2024	08/05/2024	080524-0002	C23TAA-470	Đoàn Ngọc Ánh Thư	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.546.000	
12020749230000133	09/05/2024	09/05/2024	090524-0002	C23TAA-473	Trương Linh Đan	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000008	09/05/2024	09/05/2024	090524-0005	C23TAA-479	Sầm桂 桂 桂	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000103	09/05/2024	09/05/2024	090524-0008	C23TAA-486	Nguyễn Hoàng Thảo Vy	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000012	10/05/2024	10/05/2024	100524-0004	C23TAA-488	Phạm Minh Phúc	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000008	10/05/2024	10/05/2024	100524-0006	C23TAA-492	Nguyễn Anh Thư	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000013	12/05/2024	12/05/2024	120524-0001	C23TAA-506	Võ Minh Hà	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000003	14/05/2024	14/05/2024	140524-0003	C23TAA-510	Phạm桂 桂 桂	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000126	15/05/2024	15/05/2024	150524-0002	C23TAA-512	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000011	15/05/2024	15/05/2024	150524-0006	C23TAA-519	Nguyễn Anh Thư	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000135	14/05/2024	14/05/2024	140524-0002	C23TAA-505	Nguyễn桂 桂 桂	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000002	14/05/2024	14/05/2024	140524-0003	C23TAA-506	Võ Minh Hà	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000003	14/05/2024	14/05/2024	140524-0007	C23TAA-510	Phạm桂 桂 桂	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000126	15/05/2024	15/05/2024	150524-0002	C23TAA-512	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000011	15/05/2024	15/05/2024	150524-0005	C23TAA-515	Nguyễn Kim Ánh Minh	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000005	21/06/2024	21/06/2024	210624-0001	C23TAA-523	Nguyễn Trúc Linh	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000014	24/06/2024	24/06/2024	240624-0001	C23TAA-525	Phạm Minh Phúc	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
12020749230000132	18/06/2024	18/06/2024	180624-0006	C23TAA-531	Võ Minh Hà	Nhà trẻ 25-36 th	120.000		120.000	120.000			17.000	115.000	220.000		560.000	500.000	1.574.000	
1202074923000003	18/06/2024	18/06/2024	180624-0011																	

STT	Số SCD	Ngày	Số phiếu thu	Số biên lai	Tổng số Giao Dịch	Lớp	Học cụ - Học liệu	Học phẩm	Học phí	Tiền công trả lương cho NVND	Tiền bồi dưỡng	Tiền mua sắm TB, vật dụng khác	Tiền nước uống	Tiền phụ vụ ăn sáng	Tiền suất ăn trưa	Tiền ở chức dạy bồi	Tiền ở chức dạy nghiệp vụ	Tiền ở chức phục vụ, quản lý và vệ sinh	Tiền ở chức nuôi dạy trẻ mầm non	Số tiền
	Mầm																			
120207492300015	01/04/2024	01/04/2024	C24TAA-304		Trần Ngọc Gia An	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	231.000	672.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.897.000
120207492300016	01/04/2024	01/04/2024	C24TAA-305		Trương Minh Quân	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.822.000
120207492300017	02/04/2024	02/04/2024	C24TAA-315	50.000	Nguyễn Trường An	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	608.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.822.000
120207492300018	02/04/2024	02/04/2024	C24TAA-316		Nguyễn Ngọc Thảo My	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300019	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-317		Lê Minh Trí	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300020	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-318		Nguyễn An Nhiên	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300021	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-321		Nguyễn Khánh Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300022	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-322		Nguyễn Khánh Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300023	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-323		Nguyễn Khánh Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300024	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-324		Đỗ Trịnh Nguyệt Anh	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300025	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-325		Nguyễn Phúc Khang	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300026	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-327		Đặng Quỳnh Hoa Trâm	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300027	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-329		Hoàng Ngọc Lan	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300028	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-334		Mai Gia Khai	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300029	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-331		Võ Lê Bảo Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300030	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-332		Ngô Thanh Long	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300031	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-331		Lê Ngọc Thảo Nhi	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300032	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-343		Trần Cát Lam Khôi	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300033	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-335		Nguyễn Khánh Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300034	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-331		Võ Lê Bảo Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300035	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-332		Ngô Thanh Long	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300036	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-339		Phạm Lê Nhi D	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300037	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-331		Lê Ngọc Thảo Nhi	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300038	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-332		Ngô Thanh Long	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300039	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-339		Trần Thái Thịnh	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300040	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-361		Trương Ngọc Yến Nhi	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300041	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-362		Nguyễn Bảo Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300042	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-365		Lê Ngọc Yến Nhi	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300043	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-366		Nguyễn Đức Trí	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300044	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-373		Hoàng Đăng Khoa	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300045	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-376	50.000	Hà Gia Mỹ	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300046	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-380		Trần Ngọc Bảo Anh	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300047	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-385		Nguyễn Vũ Ngọc Hoàng	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300048	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-386		Võ Hoàng Trung Anh	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300049	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-389		Phạm Lê Thảo Tiên	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300050	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-390		Nguyễn Phúc Hòa	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300051	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-391		Nguyễn Khánh Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300052	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-392		Nguyễn Khánh Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300053	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-395		Đặng Khánh Ngọc	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300054	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-396		Trần Ngọc Gia An	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300055	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-397		Nguyễn Chí Kiên	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300056	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-398		Nguyễn Minh Hiền	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300057	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-399		Phạm Hữu Thuận	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300058	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-402		Trần Ngọc Quân	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300059	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-406		Nguyễn Hữu Hoàng Anh	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300060	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-407		Nguyễn Hữu Hoàng Anh	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300061	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-408		Nguyễn Thanh Nhân	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300062	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-411		Trần Ngọc Quân	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300063	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-415		Trương Minh Quân	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300064	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-417		Nguyễn Phúc Khang	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000
120207492300065	03/04/2024	03/04/2024	C24TAA-418		Đỗ Trịnh Nguyệt Anh	Mầm 1			100.000	120.000	17.000	115.000	220.000	640.000						

STT	Số SSCID	Ngày	Số phiếu thu	Số liên lai	Tổng Số Giao Dịch	Lớp	Học cụ - Học liệu	Học phẩm	Học phí	Trên công trả lương cho NVND	Tên khóa học sinh ban đầu	Tiền mua sắm TB, vật dụng ban trả	Tiền nước uống	Tiền thực vụ ăn sáng	Tiền suất ăn sáng	Tiền suất ăn trưa	Tiền tổ chức dạy bơi	Tiền tổ chức dạy ngoại ngữ	Tiền tổ chức dạy tập điều	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh	Tiền tổ chức ăn trưa	Tiền tổ chức nghỉ dạy trẻ mầm non	Số tiền
1202074923000084	120524	12/05/2024	120524-0002	C21TAA-493	Le Nguyen Yen Nhi	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000085	13/05/2024	13/05/2024	130524-0007	C21TAA-495	Vo Hieu Trung Anh	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000086	13/05/2024	13/05/2024	130524-0008	C21TAA-501	Nguyen Khai Nham	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000087	14/05/2024	14/05/2024	140524-0006	C21TAA-509	Doang Khai Nham	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000088	15/05/2024	15/05/2024	150524-0001	C21TAA-511	Nguyen Bao Ngoc	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000089	15/05/2024	15/05/2024	150524-0002	C21TAA-513	Trinh Ngoc Bao Anh	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000090	15/05/2024	15/05/2024	150524-0004	C21TAA-514	Nguyen Minh Hieu	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000091	17/05/2024	17/05/2024	170524-0001	C21TAA-519	Nguyen Chi Kien	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000092	21/05/2024	21/05/2024	210524-0001	C21TAA-520	Ha Hoa Nham	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000093	21/05/2024	21/05/2024	210524-0003	C21TAA-522	Tran Ngoc Gia An	Mầm 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.704.000	
1202074923000094	22/05/2024	22/05/2024	220524-0002	C21TAA-524	Nguyen Thanh Nham	Mầm 1			100.000	120.000			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000095	18/06/2024	18/06/2024	180624-0006	C21TAA-526	Hoang Ngoc Lan	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000096	18/06/2024	18/06/2024	180624-0007	C21TAA-532	Tran Cat Lam Khue	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000097	18/06/2024	18/06/2024	180624-0009	C21TAA-534	Ngoc Thanh Long	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000098	18/06/2024	18/06/2024	180624-0010	C21TAA-537	Nguyen Bao Ngoc	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000099	18/06/2024	18/06/2024	180624-0013	C21TAA-540	Nguyen An Nham	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000100	18/06/2024	18/06/2024	180624-0015	C21TAA-548	Nguyen Vo Ngien Huong	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000101	19/06/2024	19/06/2024	190624-0014	C21TAA-539	Nguyen Phuc Khang	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000102	19/06/2024	19/06/2024	190624-0016	C21TAA-538	Le Minh Triet	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000103	21/06/2024	21/06/2024	210624-0016	C21TAA-541	Nguyen Trung An	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000104	21/06/2024	21/06/2024	210624-0022	C21TAA-547	Hoang Nhu Bao Anh	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000105	21/06/2024	21/06/2024	210624-0026	C21TAA-551	Hoang Dung Khon	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000106	21/06/2024	21/06/2024	210624-0025	C21TAA-550	Vo Le Bao Ngoc	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000107	21/06/2024	21/06/2024	210624-0024	C21TAA-549	Truong Ngoc Yen Nhi	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000108	21/06/2024	21/06/2024	210624-0021	C21TAA-546	Vo Ngoc Thao Nhi	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000109	21/06/2024	21/06/2024	210624-0027	C21TAA-552	Doang Khai Nham	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000110	21/06/2024	21/06/2024	210624-0020	C21TAA-545	Truong Minh Quan	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000111	21/06/2024	21/06/2024	210624-0023	C21TAA-548	Dang Quynh Bao Trâm	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000112	24/06/2024	24/06/2024	240624-0042	C21TAA-567	Tran Ngoc An Khue	Mầm 1			8.000	-			8.000	-	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000	
1202074923000113	01/04/2024	01/04/2024	010424-0004	C21TAA-305	Nguyen Gia Han	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	231.000	608.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.833.000	
1202074923000114	02/04/2024	02/04/2024	020424-0001	C21TAA-308	Nguyen Ngoc Bao Anh	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000115	02/04/2024	02/04/2024	020424-0002	C21TAA-309	Tran Kim Xuan	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000116	02/04/2024	02/04/2024	020424-0003	C21TAA-310	Tran Bang Khau	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000117	03/04/2024	03/04/2024	030424-0006	C21TAA-313	Nguyen Xuan Ky	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000118	03/04/2024	03/04/2024	030424-0004	C21TAA-320	Nguyen Ngoc Uyen Thu	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000119	03/04/2024	03/04/2024	030424-0007	C21TAA-323	Doan Cao Cuong	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000120	03/04/2024	03/04/2024	030424-0014	C21TAA-330	Nguyen Bao Trâm	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000121	03/04/2024	03/04/2024	030424-0021	C21TAA-337	Nguyen Ngoc Yen	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000122	05/04/2024	05/04/2024	050424-0003	C21TAA-347	Le Kha Han	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000123	05/04/2024	05/04/2024	050424-0004	C21TAA-349	Le Trâm Anh	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000124	05/04/2024	05/04/2024	050424-0005	C21TAA-350	Le Quynh Anh	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000125	05/04/2024	05/04/2024	050424-0008	C21TAA-353	Nguyen Thi Phuc Nguyen	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000126	06/04/2024	06/04/2024	060424-0001	C21TAA-356	Nguyen Tran Phuong Uyen	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000127	06/04/2024	06/04/2024	060424-0002	C21TAA-357	SHAW Tran Minh Khai	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000128	06/04/2024	06/04/2024	060424-0003	C21TAA-358	Pham Minh Khai	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000129	06/04/2024	06/04/2024	060424-0004	C21TAA-363	Tran Ngoc An Nham	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000130	06/04/2024	06/04/2024	060424-0007	C21TAA-369	Tran Ngoc Huong Khai	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000131	09/04/2024	09/04/2024	090424-0005	C21TAA-374	Vo Ngoc Huyen	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000132	10/04/2024	10/04/2024	100424-0002	C21TAA-378	Vo Minh Nhât	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000133	10/04/2024	10/04/2024	100424-0006	C21TAA-382	Le Nhâ Thuy Dong	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	368.000	1.854.000	
1202074923000134	10/04/2024	10/04/2024	10042																				

STT	Số SS CID	Ngày	Số phiếu thu	Số biên lai	Tổng Số Giao Dịch	Lớp	Học cụ - Học liệu	Học phẩm	Học phí	Tiền công trả lương cho NVND	Tiền bồi dưỡng sinh viên	Tiền mua sắm TĐ, vật dụng khác	Tiền nước uống	Tiền phục vụ ăn sáng	Tiền suất ăn sáng	Tiền suất ăn trưa	Tiền tổ chức dạy bồi	Tiền tổ chức dạy nghiệp vụ	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh nhà trường	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non	Số tiền
1	1202074923000108	14/05/2024	130524-0005	C23TAA-498	Nguyễn Ngọc Diệp	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
2	1202074923000127	14/05/2024	130524-0009	C23TAA-502	Võ Ngọc Huyền	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	480.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.672.000
3	1202074923000092	14/05/2024	140524-0001	C23TAA-504	Trần Ngọc An Nhiên	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	416.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.608.000
4	1202074923000053	14/05/2024	140524-0004	C23TAA-507	Võ Minh Nhật	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
5	1202074923000088	16/05/2024	160524-0003	C23TAA-516	Cao Phúc Khang	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
6	1202074923000048	20/05/2024	200524-0001	C23TAA-518	Cao Phúc Khang	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	544.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.716.000
7	1279020424000057	18/06/2024	180624-0012	C23TAA-521	Nguyễn Gia Bảo	Chức 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	448.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.640.000
8	1279020424000084	18/06/2024	180624-0004	C23TAA-537	Phạm Minh Khiết	Chức 1			100.000	120.000			8.000	8.000	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000
9	1279020424000020	21/06/2024	210624-0028	C23TAA-533	Đoàn Cao Cường	Chức 1			100.000	120.000			8.000	8.000	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000
10	1279020424000062	21/06/2024	210624-0029	C23TAA-534	Nguyễn Xuân Kỳ	Chức 1			100.000	120.000			8.000	8.000	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000
11	1279020424000044	21/06/2024	210624-0030	C23TAA-555	Nguyễn An Nhiên	Chức 1			100.000	120.000			8.000	8.000	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000
12	1279020424000092	21/06/2024	210624-0036	C23TAA-561	Trần Ngọc An Nhiên	Chức 1			100.000	120.000			8.000	8.000	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000
13	1202074923000101	03/04/2024	030424-0010	C23TAA-326	Nguyễn Phúc Hưng	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.790.000
14	1202074923000125	03/04/2024	030424-0012	C23TAA-328	Hoàng Ngọc Long	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	544.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.718.000
15	1202074923000064	03/04/2024	030424-0015	C23TAA-331	Nguyễn Huy Hoàng	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	608.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.822.000
16	1202074923000071	03/04/2024	030424-0016	C23TAA-332	Cao Bảo Ngọc	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
17	1202074923000065	03/04/2024	030424-0017	C23TAA-333	Nguyễn Quang Hải	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	608.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.848.000
18	1202074923000069	03/04/2024	030424-0019	C23TAA-335	Mã Gia Khiêm	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
19	1202074923000076	04/04/2024	040424-0020	C23TAA-336	Lê Châu Phương Vy	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.801.000
20	1202074923000089	04/04/2024	040424-0005	C23TAA-342	Phạm Tiến Đạt	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
21	1202074923000063	05/04/2024	050424-0003	C23TAA-348	Nguyễn Hồ Phương Anh	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
22	1202074923000097	05/04/2024	050424-0009	C23TAA-354	Nguyễn Tuấn An	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.790.000
23	1202074923000077	05/04/2024	050424-0010	C23TAA-355	Nguyễn Hoàng Bích	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	544.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.718.000
24	1202074923000111	07/04/2024	070424-0002	C23TAA-360	Trương Mỹ Hoa	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.790.000
25	1202074923000075	08/04/2024	080424-0006	C23TAA-368	Nguyễn Ngọc Ái Vy	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	544.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.718.000
26	1202074923000067	09/04/2024	090424-0006	C23TAA-375	Trần Nguyễn Đức Khang	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
27	1202074923000078	10/04/2024	100424-0001	C23TAA-384	Nguyễn Võ Bích An	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	416.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.630.000
28	1202074923000066	12/04/2024	120424-0001	C23TAA-387	Phạm Minh Khang	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
29	1202074923000070	12/04/2024	120424-0002	C23TAA-388	Đoàn Khải Hưng	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	608.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
30	1202074923000074	15/04/2024	150424-0001	C23TAA-394	Đoàn Khải Hưng	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	220.000	608.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.822.000
31	1202074923000101	02/05/2024	020524-0009	C23TAA-416	Nguyễn Phúc Hưng	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	640.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.854.000
32	1202074923000125	03/05/2024	030524-0003	C23TAA-424	Hoàng Ngọc Long	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	544.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.716.000
33	1202074923000064	03/05/2024	030524-0015	C23TAA-436	Nguyễn Huy Hoàng	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
34	1202074923000097	04/05/2024	040524-0017	C23TAA-438	Nguyễn Tuấn An	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
35	1202074923000071	04/05/2024	040524-0004	C23TAA-442	Cao Bảo Ngọc	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	320.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.512.000
36	1202074923000111	04/05/2024	040524-0005	C23TAA-443	Trương Mỹ Hoa	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	288.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.480.000
37	1202074923000078	06/05/2024	060524-0005	C23TAA-454	Nguyễn Võ Bích An	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.704.000
38	1202074923000089	07/05/2024	070524-0001	C23TAA-462	Phạm Tiến Đạt	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.704.000
39	1202074923000077	07/05/2024	070524-0004	C23TAA-465	Lê Nguyễn Hoàng Bích	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
40	1202074923000075	09/05/2024	090524-0004	C23TAA-475	Nguyễn Ngọc Ái Vy	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
41	1202074923000065	09/05/2024	090524-0006	C23TAA-477	Nguyễn Quang Hải	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
42	1202074923000067	09/05/2024	090524-0007	C23TAA-478	Nguyễn Đức Khang	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	512.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.455.000
43	1202074923000069	09/05/2024	090524-0009	C23TAA-480	Mã Gia Khiêm	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	416.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.608.000
44	1202074923000063	10/05/2024	100524-0002	C23TAA-484	Nguyễn Hồ Phương Anh	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.608.000
45	1202074923000066	11/05/2024	110524-0001	C23TAA-490	Phạm Minh Khang	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
46	1202074923000070	13/05/2024	130524-0007	C23TAA-500	Đoàn Phúc Lâm	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
47	1202074923000102	13/05/2024	130524-0010	C23TAA-503	Đoàn Minh Đức	Là 1			100.000	120.000			17.000	115.000	198.000	576.000	80.000	80.000	57.000	368.000	1.768.000
48	1202074923000094	14/05/2024	140524-0005	C23TAA-508	Đoàn Khải Hưng	Là 1			200.000	240.000			34.000	230.000	418.000	1.088.000	160.000	114.000	736.000	3.494.000	
49	1202074923000076	16/05/2024	160524-0002	C23TAA-517	Lê Châu Phương Vy	Là 1			200.000	240.000			34.000	230.000	418.000	576.000	160.000	114.000	736.000	3.494.000	
50	1279020424000044	21/06/2024	210624-0033	C23TAA-560	Nguyễn Võ Bích An	Là 1			-	-			8.000	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000
51	1279020424000039	21/06/2024	210624-0031	C23TAA-556	Trương Mỹ Hoa	Là 1			-	-			8.000	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000
52	1279020424000044	21/06/2024	210624-0034	C23TAA-559	Đoàn Khải Hưng	Là 1			-	-			8.000	-	110.000	320.000	-	-	-	-	440.000
53	1279020424000045	21/0																			

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Quý 2 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	I - TÀI KHOẢN TRONG BẢNG								
111	Tiền mặt					10.568.000	10.568.000		
1111	Tiền Việt Nam					10.568.000	10.568.000		
112	Tiền gửi ngân hàng	246.882.182				966.657.175	1.074.345.736	139.193.621	
1121	Tiền Việt Nam	246.882.182				966.657.175	1.074.345.736	139.193.621	
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang					217.192.774	217.192.774		
211	Tài sản cố định hữu hình	2.228.227.000						2.228.227.000	
2113	Máy móc thiết bị	1.120.910.000						1.120.910.000	
21131	Máy móc thiết bị văn phòng	1.120.910.000						1.120.910.000	
2118	TSCĐ hữu hình khác	1.107.317.000						1.107.317.000	
214	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ		342.159.130						342.159.130
2141	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình		342.159.130						342.159.130
21413	KH và HM lũy kế máy móc thiết bị		203.744.500						203.744.500

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
21418	KH và HM lũy kế TSCĐ hữu hình khác		138.414.630						138.414.630
332	Các khoản phải nộp theo lương					54.905.702	54.905.702		
3321	Bảo hiểm xã hội					41.179.275	41.179.275		
3322	Bảo hiểm y tế					7.266.929	7.266.929		
3323	Kinh phí công đoàn					3.229.748	3.229.748		
3324	Bảo hiểm thất nghiệp					3.229.750	3.229.750		
334	Phải trả người lao động					509.377.945	509.377.945		
3341	Phải trả công chức, viên chức					509.377.945	509.377.945		
338	Phải trả khác		113.598.336			275.968.705	192.297.400		29.927.031
3381	Các khoản thu hộ, chi hộ		113.598.336			275.968.705	192.297.400		29.927.031
366	Các khoản nhận trước chi ghi thu		1.886.067.870						1.886.067.870
3661	NSNN cấp		1.886.067.870						1.886.067.870
36611	Giá trị còn lại của TSCĐ		1.886.067.870						1.886.067.870
431	Các quỹ		9.310.300			13.570.000	20.000.000		15.740.300
4311	Quỹ khen thưởng		1.000.000						1.000.000
43118	Quỹ khen thưởng		1.000.000						1.000.000
4312	Quỹ phúc lợi		3.000.000			13.570.000	20.000.000		9.430.000
43121	Quỹ phúc lợi		3.000.000			13.570.000	20.000.000		9.430.000
4314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		5.310.300						5.310.300
43141	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		5.310.300						5.310.300
468	Nguồn cải cách tiền lương		15.709.709						15.709.709
511	Thu hoạt động do NSNN cấp		499.466.071				653.029.505		1.152.495.576

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
5111	Thường xuyên		400.630.633				539.643.783		940.274.416
5112	Không thường xuyên		98.835.438				113.385.722		212.221.160
515	Doanh thu tài chính		90.300				108.000		198.300
531	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ		256.498.000				237.910.000		494.408.000
611	Chi hoạt động	499.466.071				653.029.505		1.152.495.576	
6111	Chi thường xuyên	341.478.891				468.217.983		809.696.874	
61111	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	341.478.891				424.941.755		766.420.646	
61118	Chi phí hoạt động khác					43.276.228		43.276.228	
6112	Không thường xuyên	157.987.180				184.811.522		342.798.702	
61121	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	98.835.438				113.385.722		212.221.160	
61128	Chi phí hoạt động khác	59.151.742				71.425.800		130.577.542	
615	Chi phí tài chính	66.000				76.450		142.450	
632	Giá vốn hàng bán	129.313.822				217.192.774		346.506.597	
6321	Giá vốn hàng bán	129.313.823				217.192.774		346.506.597	
642	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ	18.944.640				51.196.032		70.140.672	
6421	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên					6.916.000		6.916.000	
6428	Chi phí hoạt động khác	18.944.640				44.280.032		63.224.672	
	Cộng	3.122.899.716	3.122.899.716			2.969.735.062	2.969.735.062	3.936.705.916	3.936.705.916

	II-TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG										
008	Dự toán chi hoạt động	3.370.129.213								653.029.505	2.717.099.708
0082	Năm nay	3.370.129.213								653.029.505	2.717.099.708
00821	Dự toán chi thường xuyên	2.963.565.651								539.643.783	2.423.921.868
008212	Thực chi	2.963.565.651								539.643.783	2.423.921.868
00822	Dự toán chi không thường xuyên	406.563.562								113.385.722	293.177.840
008222	Thực chi	406.563.562								113.385.722	293.177.840
	Cộng	3.370.129.213								653.029.505	2.717.099.708

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Người lập sổ
(Ký, họ và tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Hồng Quyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Hồng Quyên

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

